

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản, giải
quyết nợ chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST- HN&GD ngày 13 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị L**, sinh năm 1994 - vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã PS, huyện TG, tỉnh DB.

Địa chỉ hiện nay: Bản H, xã RĐ, huyện TG, tỉnh DB.

2. Bị đơn: Anh **Thào A S**, sinh năm 1993 - vắng mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã PS, huyện TG, tỉnh DB.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Thào A P**, sinh năm 1987 - vắng mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã PS, huyện TG, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2022, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sùng Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Thào A S chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên gia đình chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc, chị và anh S về chung sống cùng nhau tại bản Nậm Din, xã Phình Sáng,

huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S hay tụ tập rượu chè, chơi bời với bạn bè và đánh đập chị nhiều lần, cụ thể ngày 17/12/2021 anh S uống rượu nghi ngờ chị ngoại tình với người khác rồi đánh và chị đã uống thuốc trừ sâu để tự tử nhưng được mọi người đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết. Do anh S thường xuyên đánh đập, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thào A S.

- Về con chung: Chị L và anh Thào A S có 02 người con chung, là Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 và Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào Thiên T; còn anh Thào A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào A T. Mỗi người nuôi một người con chung, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Chị Sùng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng, gồm 30 bao thóc (thu hoạch vụ mùa năm 2021) x 40kg/01 bao = 1.200kg x 8.000đ/01 kg = 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu trắng mua năm 2013, trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng); 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen mua năm 2017, trị giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Khi ly hôn nguyên vọng của chị yêu cầu được chia 10 bao thóc (thu hoạch vụ mùa năm 2021) x 40kg/01 bao = 400kg x 8.000đ/01 kg = 3.200.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu trắng mua năm 2013, trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- Về nợ chung phải thu: Chị Sùng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Thào A P trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) do anh P vay của chị và anh S vào năm 2020. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Thào A P trả cho chị 25.000.000đ và trả cho anh Thào A S 25.000.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Thào A S khai: Anh S thống nhất với chị L, anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau chung sống như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc, anh và chị L về chung sống cùng nhau tại bản Nậm Din, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị L tự ý bỏ nhà đi xuống miền Nam chơi không cho anh S biết và chị L có gọi điện thoại, nhắn tin qua zalo nói chuyện với người khác nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, ngày 17/12/2021 chị L có uống thuốc trừ sâu để tự tử. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh S đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh Thào A S và chị Sùng Thị L có 02 người con chung, là Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 và Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn theo nguyên vọng của các con, con ở với ai thì người đó có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Anh Thào A S thống nhất với ý kiến của chị L, vợ chồng anh, chị có tài sản chung, gồm 30 bao thóc, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA

màu trắng mua năm 2014, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen mua năm 2017, khi ly hôn anh S đồng ý sẽ chia tài sản cho chị Sùng Thị L.

- Về nợ chung, riêng: Anh Thào A S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A P khai: Anh P không được vay tiền của chị Sùng Thị L và anh Thào A S, anh P không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị Là.

Ngày 18/02/2022, chị Sùng Thị L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, do các bên đã thỏa thuận phân chia, giải quyết xong. Bị đơn anh Thào A S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A P không có ý kiến gì.

Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2022 các bên đương sự thống nhất:

- Về con chung: Chị L và anh S có 02 người con chung, là Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 và Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015. Chị L, anh S thỏa thuận thống nhất giao cháu Thào A T cho chị Sùng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thào A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào Thiên T. Mỗi người nuôi một người con chung, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Sùng Thị L, anh Thào A S không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Thào A P không có ý kiến gì về nợ chung phải thu của chị L, anh S.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị L và anh S tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc và về chung sống như vợ chồng. Hiện tại anh chị có 02 người con chung, quá trình chung sống chị L, anh S thường xuyên cãi chửi nhau nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh S đã không sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, anh S tuyên bố “Không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A S là vợ chồng”.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 15, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, anh S. Giao cháu Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 cho chị Sùng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Thào A S trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Mỗi người nuôi một người con chung, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Căn cứ Điều 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung, giải quyết nợ chung chị Là đã rút yêu cầu khởi kiện. Chị Sùng Thị L, anh Thào A S không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Sùng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, giải quyết nợ chung với anh Thào A S có địa chỉ tại bản Nậm Din, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Sự vắng mặt của các đương sự chị Sùng Thị L, anh Thào A S, anh Thào A P tại phiên tòa: Chị Là, anh S, anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh S, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị L và anh Thào A S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên sự tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của dân tộc nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo xác nhận (BL 02) từ khi chị Sùng Thị L, anh Thào A S cưới nhau chung sống như vợ chồng đến nay chưa đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Chị Sùng Thị L và anh Thào A S chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, song các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh S có 02 người con chung, là Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 và Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015. Chị Là, anh S thỏa

thuận thống nhất giao cháu Thào A T cho chị Sùng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thào A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào Thiên T. Mỗi người nuôi một người con chung, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của chị L hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 217, 218, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung, giải quyết nợ chung chị L đã rút yêu cầu khởi kiện, chị Sùng Thị L có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

[5] Về án phí: Chị Sùng Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Thào A T, sinh ngày 15/5/2011 cho chị Sùng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Thào A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Thào Thiên T, sinh ngày 25/7/2015 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Mỗi người nuôi một người con chung, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Sùng Thị L, anh Thào A S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Sùng Thị L, anh Thào A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh S thực hiện quyền này. Chị Sùng Thị L và anh Thào A S có quyền

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Sùng Thị L, gồm.

30 bao thóc, thu hoạch vụ mùa năm 2021; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu trắng mua năm 2013, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen mua năm 2017.

4. Về nợ chung phải thu: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết nợ chung phải thu của chị Sùng Thị L.

Về yêu cầu anh Thào A P phải trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

5. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị L.

6. Quyền kháng cáo: Chị Sùng Thị L, anh Thào A S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Anh Thào A P có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng